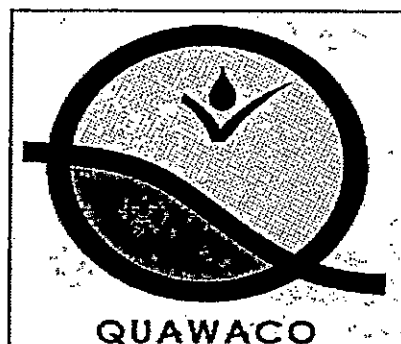


CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH



HỒ SƠ
CÔNG BỐ HỢP QUY
SẢN PHẨM NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH
SINH HOẠT

Sản phẩm: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Đơn vị sản xuất: Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.

Địa chỉ: 449 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 0203.3835.733.

E-mail: ctcnqn@gmail.com

Website: <https://quawaco.com.vn>

Quảng Ninh, năm 2026

DANH MỤC HỒ SƠ

1. BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY.
2. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỢP QUY.
3. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC.
4. PHỤ LỤC 1: BẢNG THÔNG TIN CHI TIẾT CÁC THÔNG SỐ ĐÁNH GIÁ.
5. PHỤ LỤC 2: KẾ HOẠCH GIÁM SÁT ĐỊNH KỲ CHẤT LƯỢNG NƯỚC.
6. PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH CHI TIẾT CÁC NHÀ MÁY, KHU XỬ LÝ, GIẾNG NGẦM
7. GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY

Số: 01/2026/CBHQ

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh

Địa chỉ: Số 449 Nguyễn Văn Cừ, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0203.3835.733.

E-mail: ctcnqn@gmail.com

CÔNG BỐ

Sản phẩm: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật:

Tại Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. (Ký hiệu: QCVN 01-1:2024/BYT)

Thông tin bổ sung:

Căn cứ công bố hợp quy: Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Phương thức đánh giá sự phù hợp:

Theo điểm a khoản 1 Điều 5 Thông tư 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Loại hình đánh giá: Tự đánh giá (Bên thứ nhất) ngày 02/01/2026.

Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt do Công ty khai thác, vận hành, sản xuất, kinh doanh.

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 01 năm 2026

✓ **CHỦ TỊCH HĐQT CÔNG TY**



Vũ Văn Tuấn

BÁO CÁO

Về việc đánh giá hợp quy chất lượng nước sạch của 10 đơn vị cấp nước trực thuộc Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh

1. Ngày đánh giá: 29/11/2025 – 30/12/2025

2. Địa điểm đánh giá:

Phòng Môi trường trực thuộc Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.

3. Tên sản phẩm đánh giá hợp quy:

Nước sạch phục vụ cho mục đích sinh hoạt của 10 đơn vị cấp nước trực thuộc Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh, bao gồm:

- *Xí nghiệp nước Đông Triều*

Địa chỉ: khu Yên Lâm 3, phường Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

- *Xí nghiệp nước Uông Bí*

Địa chỉ: đường Quang Trung, phường Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh

- *Xí nghiệp nước Quảng Yên*

Địa chỉ: phường Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh

- *Xí nghiệp nước Bãi Cháy*

Địa chỉ: P. Hùng Thắng, tỉnh Quảng Ninh

- *Xí nghiệp nước Hồng Gai*

Địa chỉ: 176 đường Nguyễn Văn Cừ, P. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

- *Nhà máy nước Diên Vọng*

Địa chỉ: P. Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh

- *Xí nghiệp nước Cẩm Phả*

Địa chỉ: đường Trần Phú, P. Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh

- *Xí nghiệp nước Vân Đồn*

Địa chỉ: Khu 5, đặc khu Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh

- Xí nghiệp nước Miền Đông

Địa chỉ: Xã Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh

- Xí nghiệp nước Móng Cái

Địa chỉ: Phường Móng Cái 1, tỉnh Quảng Ninh

4. Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

5. Tên tổ chức thử nghiệm sản phẩm:

- Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh: có chức năng tổ chức hoạt động thử nghiệm đối với sản phẩm nước sạch được Văn phòng công nhận chất lượng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 lĩnh vực hóa học và sinh học. Số hiệu: VILAS 474.

- Viện Y học lao động và công nghệ môi trường: có chức năng tổ chức hoạt động thử nghiệm đối với sản phẩm nước sạch được Văn phòng công nhận chất lượng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 lĩnh vực hóa học và sinh học. VLAT 10559.

- Trung tâm kiểm soát chất lượng nước – Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh: có chức năng tổ chức hoạt động thử nghiệm đối với sản phẩm nước sạch được Văn phòng công nhận chất lượng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 lĩnh vực hóa học và sinh học. Số hiệu: VILAS 1509.

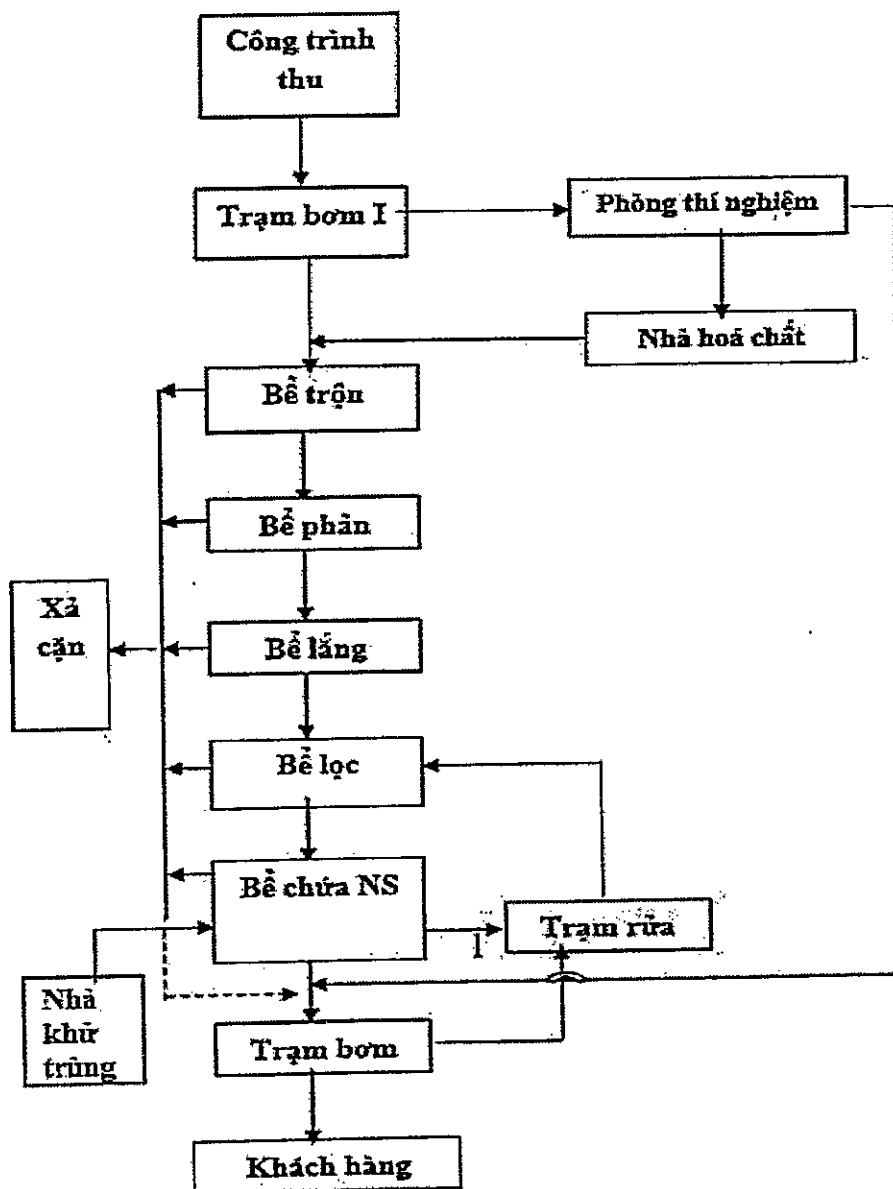
Hoặc các đơn vị khác có chức năng đảm bảo yêu cầu về năng lực phân tích, thử nghiệm theo ISO/IEC 17025:2017.

6. Đánh giá về kết quả thử nghiệm theo quy chuẩn kỹ thuật và hiệu lực việc áp dụng, thực hiện quy trình sản xuất:

Công ty hiện đang quản lý 25 nhà máy, khu xử lý nước và giếng ngầm. Trong đó 22 nhà máy sử dụng nước mặt, 03 nhà máy sử dụng nước ngầm và 09 giếng ngầm độc lập.

6.1. Quy trình sản xuất:

6.1.1. Quy trình sản xuất từ nước mặt:



Mô tả Công nghệ:

a. Công trình thu:

Bao gồm Hồ chứa, Mương dẫn, Hồ thu để thu nước mặt.

b. Trạm bơm 1:

Để bơm nước từ công trình thu lên bể trộn.

c. Bể trộn:

Nước thô và hóa chất được trộn đều trong bể trộn

d. Bể phản ứng:

Nước từ Bể trộn tự chảy sang Bể phản ứng, tại đây phản ứng keo tụ xảy ra và tạo ra bông cặn.

e. Bể lắng:

Nước từ bể phản ứng sang bể lắng, các bông cặn được hình thành lớn hơn và lắng dần xuống từ đầu bể đến cuối bể. Nước trong được thu vào các máng và chảy sang bể lọc.

f. Bể lọc:

Quá trình lọc là cho nước đi qua một lớp vật liệu lọc có chiều dày nhất định đủ để giữ lại trên bề mặt hoặc giữa các khe hở của vật liệu lọc các hạt cặn và vi trùng trong nước. Độ đục của nước sau khi qua bể lọc phải đạt tiêu chuẩn cho phép ≤ 2 NTU.

g. Bể chứa nước sạch:

Nước sau khi đã qua lọc xuống bể chứa để cung cấp nước cho trạm bơm cấp 2 và Trạm rửa lọc.

h. Trạm bơm II:

Lấy nước từ bể chứa nước sạch cấp nước cho khách hàng.

i. Phòng thí nghiệm:

Nước thô được lấy từ Trạm bơm cấp I để kiểm tra, phân tích các chỉ tiêu cần thiết để quyết định liều lượng hoá chất đưa vào xử lý.

Phòng thí nghiệm sẽ lấy mẫu nước sạch để phân tích chỉ tiêu chất lượng nước theo quy định (nếu trường không đạt chất lượng nước theo quy định thì phải đưa ra biện pháp điều chỉnh lại quá trình xử lý cho phù hợp).

j. Nhà hoá chất:

Cung cấp hoá chất (phèn, vôi, xút...) đưa vào xử lý theo đúng liều lượng của phòng thí nghiệm.

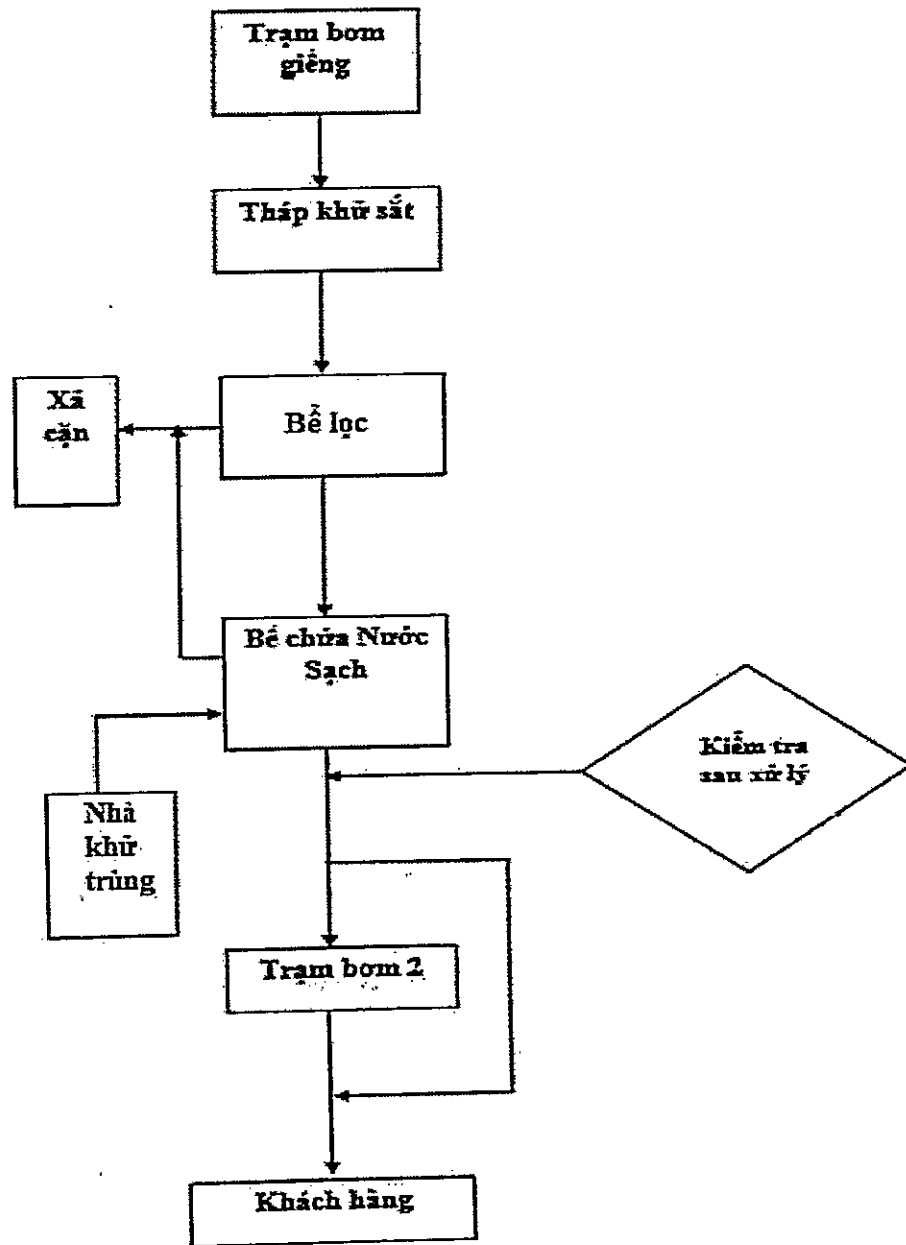
k. Nhà khử trùng:

Cung cấp Clo (hoặc javen...) đúng liều lượng của phòng thí nghiệm cho quá trình khử trùng tại bể nước sạch trước khi cấp cho khách hàng.

l. Trạm rửa lọc:

Rửa lọc theo phương pháp rửa ngược kết hợp giữa khí và nước được thực hiện bằng máy nén khí và bơm nước rửa lọc, số lần rửa lọc phụ thuộc lượng tạp chất có trong nước và công suất lọc.

6.1.2. Quy trình sản xuất từ nước ngầm



Quy trình công nghệ xử lý nước ngầm:

a. Trạm bơm Giếng:

Bơm nước ngầm từ Giếng lên Tháp khử sắt, CO₂.

b. Tháp khử sắt (khử kín):

Nước ngầm được chuyển hoá từ Ôxy hoá Fe²⁺ thành Fe³⁺, hàm lượng sắt sau khi xử lý ≤ 0,3 mg/l.

c. Bể lọc:

Quá trình lọc là cho nước đi qua một lớp vật liệu lọc có chiều dày nhất định

đủ để giữ lại cặn và oxit sắt Fe^{3+} trên bề mặt hoặc giữa các khe hở của vật liệu lọc các hạt cặn và vi trùng trong nước.

d. Bể chứa nước sạch:

Nước sau khi đã qua lọc được đưa sang bể chứa nước sạch.

e. Trạm bơm II:

Bơm nước từ bể chứa nước sạch vào mạng cấp cho khách hàng.

f. Trạm khử trùng:

Cung cấp hóa chất khử trùng (clo, javen) đúng liều lượng của phòng thí nghiệm cho quá trình khử trùng tại bể nước sạch trước khi cấp cho khách hàng.

g. Kiểm tra nước sau xử lý:

- Nước sau khi xử lý được kiểm tra theo đúng quy chuẩn chất lượng.

*** Kết luận**

Các quy trình sản xuất nước sạch tại các nhà máy trực thuộc Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh đều được thiết kế theo Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam, được Ban Lãnh đạo Công ty ký duyệt trước khi đưa vào áp dụng. Bên cạnh đó, Công ty luôn cập nhật thường xuyên các quy chuẩn mới và đưa vào áp dụng theo các Quy định hiện hành.

Qua các kết quả thử nghiệm của Trung tâm kiểm soát chất lượng nước – Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh; Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh (đối với các thông số nhóm A) và Viện Y học lao động và công nghệ môi trường (đối với các thông số nhóm B), chất lượng nước sau xử lý đều đạt QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch phục vụ mục đích sinh hoạt.

6.1.3. Chế độ giám sát:

*** Cơ sở giám sát:**

Hàng năm, Công ty xây dựng kế hoạch giám sát và được Ban lãnh đạo Công ty phê duyệt trước khi đưa vào thực hiện. Có 3 chế độ giám sát là giám sát định kỳ, thường xuyên và đột xuất. Bên cạnh đó, để công tác giám sát được thuận lợi, mang lại hiệu quả cao, Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn giám sát về công tác vận hành quy trình sản xuất, kiểm soát chất lượng nước... cho các cán bộ công nhân viên của các xí nghiệp.

*** Phương pháp giám sát:**

- Giám sát công tác vận hành:

Công tác vận hành của các Nhà máy, khu xử lý nước được vận hành theo

Quy trình quản lý vận hành nhà máy, khu xử lý; Quy trình bảo trì, sửa chữa máy móc thiết bị, được Ban Lãnh đạo Công ty phê duyệt; và vận hành theo các giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, nước ngầm do Bộ Tài nguyên và môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp. Đồng thời công tác giám sát thông qua các hệ thống quan trắc online, hệ thống Camera online 24/24; hệ thống giám sát cảnh báo, thu thập, lưu trữ dữ liệu, điều khiển từ xa (SCADA)...

Công ty có đội ngũ vận hành có tay nghề cao, am hiểu kỹ thuật vận hành nhà máy, giếng bơm trong lĩnh vực cấp nước. Công tác vận hành, công tác cấp nước được giám sát tại trung tâm SCC.

- Giám sát chất lượng nước:

Thực hiện quy định về nội kiểm theo Thông tư 52/2024/TT-BYT với chế độ giám sát định kỳ đảm bảo chất lượng nước đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT, cụ thể:

+ Kiểm soát 10 thông số nhóm A tối thiểu 01 lần/tháng, trong đó:

++ 7 thông số được kiểm soát tại phòng thí nghiệm đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2017 bao gồm: Độ màu, độ đục, pH, mùi vị, clo dư, E.Coli, Coliform. (Hiện tại, Trung tâm kiểm soát chất lượng nước của Công ty đã được Văn phòng công nhận chất lượng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 lĩnh vực hóa học và sinh học, Số hiệu: VILAS 1509).

++ 3 thông số: Asen, Amoni, Permanganat được kiểm soát tại Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh.

+ Kiểm soát 89 thông số nhóm B tối thiểu 01 lần/6 tháng tại Viện Y học lao động và công nghệ môi trường.

Bên cạnh đó, các Phòng thí nghiệm của Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh thường xuyên giám sát thông số clo dư trên mạng lưới phân phối và các thông số cơ bản (độ đục, pH, màu sắc, mùi vị) để theo dõi kịp thời, khắc phục khi có sự cố xảy ra. Khi có ý kiến phản ánh của khách hàng về chất lượng nước sinh hoạt, các phòng thí nghiệm sẽ kết hợp cùng các bộ phận liên quan tiến hành kiểm tra, lấy mẫu phân tích. Các kết quả giám sát chất lượng nước được theo dõi và lưu trữ tại phòng chuyên môn của Công ty.

Ngoài ra, chất lượng nước cấp sinh hoạt tại Công ty được các cơ quan quản lý kiểm tra, giám sát ngoại kiểm thường xuyên, liên tục theo quy định về ngoại kiểm tại Thông tư 52/2024/TT-BYT: Cục Phòng bệnh – Bộ Y tế, Trung

tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh-CDC, hội đồng UBND các phường xã trên địa bàn...

- *Giám sát công tác vệ sinh ngoại cảnh*

Thực hiện chế độ giám sát định kỳ, thường xuyên và đột xuất tại các vị trí khai thác nước và tại khuôn viên các nhà máy, khu xử lý nước. Hàng ngày, các nhân viên trực tại các nhà máy, khu xử lý đều thực hiện nghiêm túc công tác vệ sinh công nghiệp, đảm bảo vệ sinh môi trường nơi làm việc.

*** Kết quả giám sát:**

Các kết quả giám sát thường xuyên được ghi chép đầy đủ, được lưu trữ tại các phòng chuyên môn và các bộ phận liên quan.

*** Kết luận:**

Công ty luôn thực hiện nghiêm túc các chế độ giám sát theo quy định. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên cập nhật các chế độ thông tin bên ngoài, lồng ghép điều tra xã hội học về chất lượng phục vụ, cảm quan chất lượng nước cung cấp, có các biện pháp khắc phục kịp thời như: sửa chữa đường ống, xả rửa đường ống, hướng dẫn khách hàng vệ sinh bể chứa nước sạch, các dụng cụ chứa nước... nhằm mục đích phục vụ cho công tác cung cấp nước cho khách hàng sử dụng được an toàn, liên tục.

6.2. Phương pháp lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển, tiếp nhận mẫu

*** Lấy mẫu:**

Thực hiện lấy mẫu theo quy định hiện hành.

Đối với các mẫu vi sinh: sử dụng chai thủy tinh, chai nhựa được tiệt trùng để lấy mẫu.

Đối với các mẫu hóa lý: sử dụng chai nhựa có dung tích 1 lít (đối với các thông số nhóm A) và 5 lít (đối với các thông số nhóm B, do các đơn vị chức năng thực hiện).

Vị trí lấy mẫu: tại đầu bơm tăng áp của các nhà máy, khu xử lý và tại vòi nước của các hộ dân trên đường ống truyền tải. Các mẫu được ghi đầy đủ thông tin như vị trí lấy mẫu, địa điểm, thời gian, người lấy mẫu.

*** Bảo quản mẫu:** Mẫu nước sau khi được lấy xét nghiệm (hóa lý và vi sinh) được bảo quản trong thùng cách nhiệt nhiệt độ từ 2-5°C.

*** Vận chuyển mẫu:** Các bình, chai chứa mẫu được bảo vệ cẩn trọng trong các thùng giữ nhiệt và được đóng kín để không bị vỡ hoặc gây mất mát trong quá trình vận chuyển cũng như tránh bị nhiễm bẩn từ môi trường bên ngoài. Thời gian

vận chuyển mẫu không quá 24h và luôn được bảo quản ở nhiệt độ 2-5°C trong quá trình vận chuyển.

* **Tiếp nhận mẫu:** Khi mẫu được đưa đến phòng thí nghiệm, được nhân viên xét nghiệm kiểm tra tình trạng mẫu trước khi tiếp nhận, xử lý. Tại phòng thí nghiệm, nhân viên xét nghiệm lập biên bản giao nhận mẫu, sau đó tiến hành phân tích, kiểm nghiệm.

* **Kết luận:** Công tác lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển và tiếp nhận mẫu được thực hiện theo đúng quy định. Các mẫu đủ điều kiện để phân tích, kiểm nghiệm.

6.3. Kết quả thử nghiệm:

Các mẫu nước được phân tích tại các phòng thí nghiệm đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2017 của Trung tâm kiểm soát chất lượng nước – Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh, Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh (đối với các thông số nhóm A) và Viện Y học lao động và công nghệ môi trường (đối với các thông số nhóm B). Các kết quả phân tích cho thấy, các mẫu nước của 10 đơn vị cấp nước trực thuộc Công ty đều đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT. *(Đính kèm kết quả thử nghiệm của Trung tâm kiểm soát chất lượng nước – Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh, Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh và Viện Y học lao động và công nghệ môi trường).*

Các kết quả thử nghiệm có đóng dấu của các đơn vị kiểm nghiệm và được bàn giao cho phòng Môi trường của Công ty lưu giữ. Đối chiếu quy chuẩn cho phép, tất cả các thông số chất lượng nước của các kết quả nhận được của 10 đơn vị cấp nước trực thuộc Công ty đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 01-1:2024/BYT.

6.4. Phương thức đánh giá thử nghiệm mẫu bao gồm:

- Phương thức đánh giá xác định các thông số chất lượng thử nghiệm trên số lượng mẫu điển hình. (Theo Điểm a Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật)

- Đánh giá sự phù hợp các mẫu thử: Các đặc tính của mẫu nước thử nghiệm và các phương pháp thử nghiệm được xác định theo QCVN 01-1:2024/BYT.

- Xử lý kết quả đánh giá sự phù hợp: Các đặc tính của mẫu nước thông qua kết quả thử nghiệm trong quá trình đánh giá đều đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT.

- Kết quả sự phù hợp: Đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2024/BYT.

7. Kết luận


Sản phẩm nước sạch của 10 đơn vị cấp nước trực thuộc Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh có chất lượng đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2024/BYT.

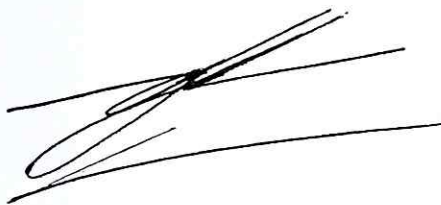
Công tác đánh giá nêu trên đã đủ điều kiện để Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh gửi hồ sơ tự công bố hợp quy tới Văn phòng (văn thư), Sở Y tế Quảng Ninh (địa chỉ: Tầng 19, Trụ sở Liên cơ quan số 3, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh).

Trên đây là báo cáo đánh giá hợp quy của Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh đối với sản phẩm nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo đánh giá này./.

Đính kèm theo các hồ sơ như sau:

- 1. Phụ lục 1: Bảng thông tin chi tiết các thông số đánh giá.*
- 2. Phụ lục 2: Kế hoạch kiểm soát chất lượng nước.*
- 3. Phụ lục 3: Danh sách chi tiết các nhà máy, khu xử lý của 10 đơn vị cấp nước trực thuộc Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.*
- 4. Kết quả xét nghiệm mẫu nước các thông số chỉ tiêu A theo QCVN 01-1:2024/BYT.*
- 5. Kết quả xét nghiệm mẫu nước các thông số chỉ tiêu B theo QCVN 01-1:2024/BYT.*
- 6. Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.*


**BỘ PHẬN ĐÁNH GIÁ
PHÒNG MÔI TRƯỜNG
TRƯỞNG PHÒNG**



Bùi Quang Nga

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thế Đức

PHỤ LỤC 1: BẢNG THÔNG TIN CHI TIẾT CÁC THÔNG SỐ ĐÁNH GIÁ
Sản phẩm: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt của 10 đơn vị cấp nước
trực thuộc Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh
(Kèm theo Công bố hợp quy Số: 01/2026/CBHQ ngày 02/01/2026)

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép
Các thông số nhóm A			
<i>a. Thông số vi sinh vật</i>			
1	Coliform tổng số	CFU/100 ml hoặc MPN/100mL	<1
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 ml hoặc MPN/100mL	<1
<i>b. Thông số cảm quan và hóa học</i>			
3	Màu sắc	TCU	15
4	Mùi (*)	-	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	Trong khoảng 6,0- 8,5
6	Độ đục	NTU	2
7	Asen (Arsenic) (As)	mg/L	0,01
8	Clo dư tự do(*)	mg/L	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Permanganat	mg/L	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	1
Các thông số nhóm B			
<i>a. Thông số vi sinh vật</i>			
11	Tụ cầu vàng <i>(Staphylococcus aureus)</i>	CFU/ 100mL	< 1
12	Trực khuẩn mù xanh <i>(Ps. Aeruginosa)</i>	CFU/ 100mL	< 1
<i>b. Thông số hóa học</i>			
13	Antimon (Sb)	mg/L	0,02
14	Bari (Ba)	mg/L	1,3
15	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	mg/L	2,4
16	Cadmi (Cd)	mg/L	0,003

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép
17	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/L	0,01
18	Clorua (Chloride) (Cl ⁻)	mg/L	250 hoặc 300 (**)
19	Chromi (Cr)	mg/L	0,05
20	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/L	1
21	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	mg/L	300
22	Fluor (F)	mg/L	1,5
23	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/L	2
24	Mangan (Mn)	mg/L	0,1
25	Natri (Na)	mg/L	200
26	Nhôm (Aluminium) (Al)	mg/L	0,2
27	Nickel (Ni)	mg/L	0,07
28	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	11
29	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/L	0,9
30	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/L	0,3
31	Seleni (Se)	mg/L	0,04
32	Sunphat	mg/L	250
33	Sunfua	mg/L	0,05
34	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	0,001
35	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	1.000
36	Xyanua (Cyanide) (CN ⁻)	mg/L	0,05
<i>Nhóm Alkan clo hóa</i>			
37	1,1,1 - Trichloroethane (C ₂ H ₃ Cl ₃)	µg/L	2.000
38	1,2 - Dichloroethane (C ₂ H ₄ Cl ₂)	µg/L	30
39	1,2 - Dichloroethene (C ₂ H ₂ Cl ₂)	µg/L	50
40	Carbon tetrachloride (CCl ₄)	µg/L	2
41	Dichloromethane (CH ₂ Cl ₂)	µg/L	20
42	Tetrachloroethene (C ₂ Cl ₄)	µg/L	40
43	Trichloroethene (C ₂ HCl ₃)	µg/L	8
44	Vinyl chloride (C ₂ H ₃ Cl)	µg/L	0,3
<i>Nhóm Hydrocacbua thơm</i>			
45	Benzene (C ₆ H ₆)	µg/L	10
46	Ethylbenzene (C ₈ H ₁₀)	µg/L	300

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép
47	Pentachlorophenol (C ₆ HCl ₅ O)	µg/L	9
48	Styrene	µg/L	20
49	Toluene	µg/L	700
50	Xylene	µg/L	500
<i>Nhóm Benzen Clo hóa</i>			
51	1,2 - Diclorobenzen	µg/L	1000
52	Monoclorobenzen	µg/L	300
53	Triclorobenzen	µg/L	20
<i>Nhóm chất hữu cơ phức tạp</i>			
54	Acrylamide	µg/L	0,5
55	Epiclohydrin	µg/L	0,4
56	Hexacloro butadien	µg/L	0,6
<i>Nhóm hóa chất bảo vệ thực vật</i>			
57	1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan	µg/L	1
58	1,2 - Dicloropropan	µg/L	40
59	1,3 - Dichloropropen	µg/L	20
60	2,4 - D	µg/L	30
61	2,4 - DB	µg/L	90
62	Alachlor	µg/L	20
63	Aldicarb	µg/L	10
64	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	µg/L	100
65	Carbofuran	µg/L	5
66	Chlorpyrifos	µg/L	30
67	Clodane	µg/L	0,2
68	Clorotoluron	µg/L	30
69	Cyanazine	µg/L	0,6
70	DDT và các dẫn xuất	µg/L	1
71	Dichloprop	µg/L	100
72	Fenoprop	µg/L	9
73	Hydroxyatrazine	µg/L	200
74	Isoproturon	µg/L	9

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép
75	MCPA	µg/L	2
76	Mecoprop	µg/L	10
77	Methoxychlor	µg/L	20
78	Molinate	µg/L	6
79	Pendimetalin	µg/L	20
80	Permethrin	µg/L	20
81	Propanil	µg/L	20
82	Simazine	µg/L	2
83	Trifuralin	µg/L	20
<i>Nhóm hóa chất khử trùng và sản phẩm phụ</i>			
84	2,4,6 - Triclorophenol	µg/L	200
85	Bromat	µg/L	10
86	Formaldehyde	µg/L	500
87	Monochloramine	mg/L	3.000
<i>Nhóm Trihalomethane (THM)</i>			
88	Bromodichloromethane	µg/L	60
89	Bromoform	µg/L	100
90	Chloroform	µg/L	300
91	Dibromochloromethane	µg/L	100
<i>Nhóm Halogenated acetonitrile</i>			
92	Dibromoacetonitrile	µg/L	70
93	Dichloroacetonitrile	µg/L	20
94	Trichloroacetonitrile (C ₂ Cl ₃ N)	µg/L	1
<i>Nhóm Haloacetic acid (HAA)</i>			
95	Acid monochloroacetic (C ₂ H ₃ ClO ₂)	µg/L	20
96	Acid dichloroacetic (C ₂ H ₂ Cl ₂ O ₂)	µg/L	50
97	Acid trichloroacetic (C ₂ HCl ₃ O ₂)	µg/L	200
<i>c. Thông số nhiễm xạ</i>			
98	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	0,1
99	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	1,0

PHỤ LỤC 2: KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Sản phẩm: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt của 10 đơn vị cấp nước trực thuộc

Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh

(Kèm theo Công bố hợp quy Số: 01/2026/CBHQ ngày 02/01/2026)

TT	Tần suất	Kế hoạch giám sát định kỳ					
		Các chỉ tiêu giám sát	Quy chuẩn kỹ thuật	Số mẫu lấy/cỡ mẫu	Nơi thử nghiệm	Phương pháp thử/kiểm tra	Ghi chú
1	1 tháng	07 thông số nhóm A	QCVN 01-1:2024/BYT	3 mẫu / 1 lít	Trung tâm kiểm soát CLN của Công ty	Theo TCVN hiện hành	
2	1 tháng	Thông số Asen, Amoni, Permanganat nhóm A	QCVN 01-1:2024/BYT	3 mẫu / 1 lít	Tại phòng xét nghiệm đạt chuẩn theo quy định	Theo TCVN hiện hành	
3	6 tháng	89 chỉ tiêu nhóm B	QCVN 01-1:2024/BYT	3 mẫu / 5 lít	Tại phòng xét nghiệm đạt chuẩn theo quy định	Theo TCVN hiện hành	
4	Đợt xuất	Các chỉ tiêu nhóm A và B	QCVN 01-1:2024/BYT	3 mẫu / 5 lít	Tại phòng xét nghiệm đạt chuẩn theo quy định	Theo TCVN hiện hành	

Hạ Long, ngày 02 tháng 01 năm 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH



Nguyễn Thế Đức

**PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH CHI TIẾT CÁC NHÀ MÁY, KHU XỬ LÝ,
GIẾNG NƯỚC NGẦM**

**Sản phẩm: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt của 10 đơn vị cấp nước
trực thuộc Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh**

(Kèm theo Công bố hợp quy Số: 01/2026/CBHQ ngày 02/01/2026)

STT	Tên nhà máy	Địa chỉ
I	Xí nghiệp nước Đông Triều	
1	NMN Đông Triều	Khu 2, phường Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
2	NMN Miếu Hương	Khu Đông Sơn, phường Bình Khê, tỉnh Quảng Ninh
3	NMN Mạo Khê	Khu Vĩnh Tuy 1, phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh
4	Giếng 12	Phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh
II	Xí nghiệp nước Uông Bí	
5	NMN Đông Mây	Khu Quang Trung 10, phường Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh
6	Giếng 462	Phường Vàng Danh, tỉnh Quảng Ninh
7	Giếng 462A	Phường Vàng Danh, tỉnh Quảng Ninh
III	Xí nghiệp nước Quảng Yên	
8	KXL Quảng Yên	Khu Rạng Thông, phường Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
9	KXL Liên Hoà	Khu Liên Hoà 8, phường Liên Hoà, tỉnh Quảng Ninh
10	KXL Phong Cốc	Khu Phong Cốc 3, phường Phong Cốc, tỉnh Quảng Ninh
IV	Xí nghiệp nước Bãi Cháy	
11	NMN Yên Lập	Khu Yên Lập Tây, phường Đông Mai, tỉnh Quảng Ninh
12	NMN Đông Đăng	Tổ 5 Khu 2, phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh
13	NMN Đông Ho	Tổ 6, Khu trối 2, phường Hoàn Bô, tỉnh Quảng Ninh
V	Xí nghiệp nước Hồng Gai	
14	NMN Hoàn Bô	Thôn Đá Trắng, xã Thống Nhất, tỉnh Quảng Ninh
15	Giếng 53	Phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
VI	Nhà máy nước Diên Vọng	
16	NMN Diên Vọng	Khu 7B, phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh
17	NMN Dương Huy	Khu Đồng Tiến, phường Mông Dương, tỉnh Quảng Ninh
VII	Xí nghiệp nước Cẩm Phả	
18	NMN Cộng Hòa	Thôn Khe, xã Hải Hòa, tỉnh Quảng Ninh
19	Giếng 15	Phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
20	Giếng 101	Phường Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh
21	Giếng 259	Phường Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh
22	Giếng 274	Phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh
23	Giếng 275	Phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
VIII	Nhà máy nước Vân Đồn	
24	KXL Đông Xá	Thôn Đông Thành, Đặc Khu Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh
25	KXL Cái Rồng	Khu 5, Đặc Khu Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh
26	KXL Vạn Long	Thôn 1, Đặc Khu Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh
27	NMN Khe Mai	Thôn Khe Giữa, Đặc Khu Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh
IX	Xí nghiệp nước Miền Đông	
28	NMN Tiên Yên	Phố Tam Thịnh, xã Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh
29	NMN Đầm Hà	Phố Lê Lương, xã Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh
30	NMN Ba Chẽ	Thôn 1, xã Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh

STT	Tên nhà máy	Địa chỉ
X	Xí nghiệp nước Móng Cái	
31	NMN Kim Tinh	Khu Hải Yên 1, phường Móng Cái 3, tỉnh Quảng Ninh
32	NMN Đoàn Tinh	Khu Ka Long 1, phường Móng Cái 2, tỉnh Quảng Ninh
33	NMN Hải Hà	Thôn 7, xã Quảng Hà, tỉnh Quảng Ninh
34	NMN Vạn Gia	Thôn 3, xã Vĩnh Thục, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO

Kết quả tự đánh giá hợp quy chất lượng nước sạch của 10 đơn vị cấp nước trực thuộc Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự đánh giá

1. Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.
2. Địa chỉ: 449 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
3. Điện thoại: 0203.3835.733. Fax: 0203.3835796.
E-mail: ctcnqn@gmail.com.
4. Mã số doanh nghiệp: 5700100104.

II. Thông tin sản phẩm

Nước sạch phục vụ cho mục đích sinh hoạt của 10 đơn vị cấp nước trực thuộc Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh, bao gồm:

- Xí nghiệp nước Đông Triều

Địa chỉ: khu Yên Lâm 3, phường Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

- Xí nghiệp nước Uông Bí

Địa chỉ: đường Quang Trung, phường Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh

- Xí nghiệp nước Quảng Yên

Địa chỉ: phường Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh

- Xí nghiệp nước Bãi Cháy

Địa chỉ: P.Hùng Thắng, tỉnh Quảng Ninh

- Xí nghiệp nước Hồng Gai

Địa chỉ: 176 đường Nguyễn Văn Cừ, P. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

- Nhà máy nước Diên Vọng

Địa chỉ: P. Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh

- Xí nghiệp nước Cẩm Phả

Địa chỉ: đường Trần Phú, P. Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh

- Xí nghiệp nước Vân Đồn

Địa chỉ: Khu 5, đặc khu Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh

- Xí nghiệp nước Miên Đông

Địa chỉ: Xã Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh

- Xí nghiệp nước Móng Cái

Địa chỉ: Phường Móng Cái 1, tỉnh Quảng Ninh

III. Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

IV. Đơn vị, tổ chức thử nghiệm chất lượng nước

1. Thử nghiệm các thông số nhóm A thuộc QCVN 01-1:2024/BYT

- 07 chỉ tiêu bao gồm: Màu sắc, mùi, độ đục, clo dư tự do, pH, coliform tổng số, E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt. Thực hiện tại Trung tâm kiểm soát chất lượng nước – Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh: có chức năng tổ chức hoạt động thử nghiệm đối với sản phẩm nước sạch được Văn phòng công nhận chất lượng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 lĩnh vực hóa học và sinh học. Số hiệu: VILAS 1509.

- 03 chỉ tiêu bao gồm: Asen, Amoni, Permanganat thực hiện tại Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh: có chức năng tổ chức hoạt động thử nghiệm đối với sản phẩm nước sạch được Văn phòng công nhận chất lượng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 lĩnh vực hóa học và sinh học. Số hiệu: VILAS 474.

2. Thử nghiệm các thông số nhóm B thuộc QCVN 01-1:2024/BYT

89 chỉ tiêu nhóm B thuộc QCVN 01-1:2024/BYT thực hiện tại Viện Y học lao động và công nghệ môi trường: có chức năng tổ chức hoạt động thử nghiệm đối với sản phẩm nước sạch được Văn phòng công nhận chất lượng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 lĩnh vực hóa học và sinh học. VLAT 10559.

V. Kết luận

Các kết quả thử nghiệm của Trung tâm kiểm soát chất lượng nước – Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh; Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh (đối với các thông số nhóm A) và Viện Y học lao động và công nghệ môi trường (đối với các thông số nhóm B), chất lượng nước sau xử lý đều đạt QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch phục vụ mục đích sinh hoạt.

Kết quả sự phù hợp: Đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2024/BYT.

Sản phẩm nước sạch của 10 đơn vị cấp nước trực thuộc Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh có chất lượng đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2024/BYT.

Trên đây là báo cáo kết quả tự đánh giá hợp quy của Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh đối với sản phẩm nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm và kết quả tự đánh giá này./.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thế Đức